

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LAI VUNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phát Triển.

Bà Quang Kim Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2020 “V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 947/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự;

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Trí T - sinh năm: 1992 . (có mặt)

*Địa chỉ:* 485/4, ấp L T A, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Trí T về phần tranh chấp nuôi con là ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1956; *Địa chỉ:* 291/2, ấp L K, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020). (có mặt)

**- Bị đơn:** Trần Thị Bích L - sinh năm: 1989. (vắng mặt)

*Địa chỉ:* 485/4, ấp L T A, xã L H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Trí T trình bày:

Năm 2008, Nguyễn Trí T và Trần Thị Bích L quen biết nhau được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, vợ chồng tôi có đăng ký kết hôn ngày 24/7/2013 tại UBND thị trấn H H N, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, chỉ

L không lo vợ con, gia đình, bỏ gia đình đi từ 4/2016 đến nay, không biết đi đâu và ly thân từ đó đến nay đến nay. Nay tôi thấy không còn khả năng đoàn tụ, tôi nhất quyết yêu cầu được ly hôn với Trần Thị Bích L. Về con chung vợ chồng có 01 con chung là tên Nguyễn Trí T, sinh ngày: 09/02/2009, Nguyễn Trí T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Trần Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung Nguyễn Trí T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Trí T về phần tranh chấp nuôi con là ông Nguyễn Ngọc Á trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về phần nuôi con và cấp dưỡng.

Bị đơn Trần Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Trí T và Trần Thị Bích L quen biết nhau được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 24/7/2013 tại UBND thị trấn H H N, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, tháng 4/2016 Trần Thị Bích L bỏ nhà đi cho đến nay, mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của Nguyễn Trí T và Trần Thị Bích L như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là Trần Thị Bích L không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng Nguyễn Trí T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Trần Thị Bích L, mâu thuẫn của Nguyễn Trí T và Trần Thị Bích L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Nguyễn Trí T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Trí T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Nguyễn Trí T và Trần Thị Bích L có 01 con chung là Nguyễn Trí T, sinh ngày: 09/02/2009, từ khi vợ chồng xa nhau Nguyễn Trí T trực tiếp nuôi con, Nguyễn Trí T yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Trí T, ngoài ra Nguyễn Trí T có tờ tường trình là yêu cầu được sống với anh T, việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, anh T đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Trần Thị Bích L không trực tiếp nuôi con, đáng lý ra thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Nguyễn Trí T không yêu cầu Trần Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyễn Trí T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyễn Trí T cho rằng không có nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Trần Thị Bích L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Trần Thị Bích L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Trí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Trí T được ly hôn với Trần Thị Bích L.

2. Về con chung: Nguyễn Trí T được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Trí T, sinh ngày: 09/02/2009. Nguyễn Trí T không yêu cầu Trần Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Trí T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Trần Thị Bích L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Trí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Trí T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005429, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Trí T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/12/2020). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, Th từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND thị trấn H H N,  
huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV (Vinh).

ĐÃ KÝ

**Nguyễn Văn Út**